

NGÔN NGỮ TRONG NHÀ TRƯỜNG

TỪ KHẢ NĂNG PHÂN BIỆT TỪ GHÉP VÀ TỪ LÁY CỦA HỌC SINH TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ NGHĨ VỀ CÁCH DẠY TIẾNG VIỆT

NGUYỄN ĐỨC TỐN

(PGS.TS, Viện Ngôn ngữ học)

1. Vấn đề từ ghép, từ láy đã được dạy ở cả bậc Tiểu học (TH) (x. Sách giáo khoa (SGK) TH, Tập I, Nxb GD, H., 2002) và Trung học cơ sở (THCS) (x. SGK Ngữ văn, lớp 6, Tập I, Nxb GD, H., 2003 và SGK Ngữ văn, lớp 7, Tập I, Nxb GD, H., 2003).

Như chúng ta biết, về nguyên tắc, trong các từ ghép thì giữa các đơn vị cấu tạo không hề có quan hệ gì với nhau về mặt ngữ âm như ở trong từ láy (ở từ láy hoặc là âm tiết luyến láy hoàn toàn âm tiết gốc, kể cả trường hợp có sự chuyển đổi thanh điệu và âm cuối theo quy luật, kiểu: *đỏ đỏ, đầm đẹp, thỉnh thích* v.v. hoặc là lặp lại phụ âm đầu hay vần (chẳng hạn: *ho he, hú hí, tấn ngăn, lúng túng* v.v.).

Song ranh giới của mọi sự vật, hiện tượng trong tự nhiên không phải lúc nào cũng rành mạch, dứt khoát. Ranh giới giữa từ ghép và từ láy cũng như thế. Có trường hợp trong từ ghép hai đơn vị cấu tạo có âm đầu hoặc phần vần giống nhau ngẫu nhiên, khiến cho người ta lầm

tưởng đó là từ láy (thí dụ: *đỏ đen, tóc tai, máu mủ*, v.v.).

Vấn đề được đặt ra để tìm hiểu ở đây là khả năng nắm và phân biệt từ ghép với từ láy của học sinh THCS như thế nào (trong sự so sánh với học sinh Tiểu học).

Hiệu quả của việc dạy cùng một hiện tượng ở hai bậc học cao thấp khác nhau ra sao?

2. Để tiến hành thu thập tài liệu nghiên cứu, chúng tôi thực hiện một trắc nghiệm như sau.

Bậc Tiểu học: Chúng tôi chọn 100 em học lớp 5 (năm học 2004 – 2005) thuộc các trường khác nhau ở mỗi vùng miền (thành thị: kí hiệu là vùng I, nông thôn: kí hiệu là vùng II, miền núi: kí hiệu là vùng III).

Bậc Trung học cơ sở: chúng tôi cũng chọn 100 em học lớp 9 (năm học 2004 - 2005) ở mỗi vùng như trên. Như vậy, tổng số học sinh tham gia trắc nghiệm là 600 em.

3. Kết quả trắc nghiệm

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN BIỆT TỪ GHÉP - TỪ LÁY
CỦA HỌC SINH Ở 3 VÙNG**

STT	Từ cần xác định	Vùng I		Vùng II		Vùng III	
		Tiểu học/THCS	Trị số chênh	Tiểu học/THCS	Trị số chênh	Tiểu học/THCS	Trị số chênh
1	<i>sân bay</i>	98/98	0	98/100	2	100/93	-7
2	<i>lao xao</i>	98/97	-1	94/99	5	98/88	-10
3	<i>bấp bênh</i>	87/85	-2	67/72	5	87/83	-4
4	<i>hồng hào</i>	4/19	15	20/23	3	6/18	12
5	<i>khôì ngô</i>	96/90	-6	91/97	6	98/91	-7
6	<i>khỏe mạnh</i>	97/100	3	93/97	4	100/94	-6
7	<i>tươi tốt</i>	50/71	21	65/68	3	61/31	-30
8	<i>lác đác</i>	93/94	1	77/99	22	94/90	-4
9	<i>đỏ đỏ</i>	94/99	5	92/96	4	98/90	-8
10	<i>cây cối</i>	79/88	9	63/79	16	83/62	-21
11	<i>tóc tai</i>	81/92	11	74/71	-3	73/59	-14
12	<i>hôi hóp</i>	12/19	7	21/20	-1	6/18	12

13	rủ rì	97/94	-3	93/98	5	99/87	-12
14	tướng tá	75/88	13	72/79	7	71/61	-10
15	vuông tròn	93/97	4	92/98	6	99/92	-7
16	vuông vắn	84/59	-25	77/50	-27	79/64	-15
17	bao bọc	49/68	19	45/39	-6	41/25	-16
18	bỏ hòn	93/95	2	91/93	2	99/91	-8
19	xì dầu	97/97	0	96/97	1	98/92	-6
20	cặp kẻ	95/88	-7	68/91	23	96/92	-4
21	khốn khổ	20/53	33	27/35	8	11/25	14
22	vấp vấp	86/91	5	76/87	11	93/91	-2
23	lung linh	4/6	2	13/10	-3	0/95	95
24	độc đắc	42/51	9	44/59	15	34/44	10
25	sen đầm	97/98	1	94/98	4	100/94	-6
26	áo quần	97/97	0	90/97	7	95/86	-9
27	dữ dội	16/35	19	20/27	7	9/28	19
28	hung dữ	89/91	2	90/94	4	92/80	-12
29	nghiêng ngã	35/61	26	58/54	-4	57/43	-14
30	mù mịt	9/30	21	17/26	9	10/18	8
31	ăn học	94/97	3	94/95	1	99/85	-14
32	nguồn ngào	89/89	0	90/89	-1	96/86	-10
33	thanh tao	92/90	-2	93/92	-1	94/87	-7
34	trong trắng	26/67	41	43/43	0	42/30	-12
35	phát phơ	9/17	8	19/14	-5	5/13	8
36	tưng bừng	66/68	2	70/77	7	79/67	-12
37	bùng bùng	96/90	-6	86/96	10	98/90	-8
38	lúc lắc	76/77	1	71/76	5	83/74	-9
39	sân sướng	31/31	0	40/24	-16	48/36	-12
40	ngứa ngứa	66/59	-7	64/63	-1	80/77	-3
Tổng cộng		2712/2936	224	2688/2822	134	2811/2670	-141

4. Nhận xét và thảo luận

Để lượng hóa sự tiến bộ trong quá trình dạy, chúng tôi sử dụng trị số chênh lệch giữa học sinh THCS và học sinh TH nhận diện đúng từ ghép và từ láy.

Dựa vào kết quả được tổng hợp chung ở bảng 8, có thể rút ra một số điều nhận xét sau đây.

4.1. Nhận xét chung

Có sự chênh lệch về khả năng nhận diện từ láy và từ ghép của học sinh TH và THCS nói chung giữa ba vùng.

Dựa vào trị số chênh lệch, có thể sắp xếp thứ tự theo khả năng giảm sút dần của học sinh ở mỗi vùng như sau:

- 1) Vùng I (trị số: 224)
- 2) Vùng II (trị số: 134)
- 3) Vùng III (trị số: -141)

Từ các trị số trên đây có thể rút ra

Vùng I > vùng II > vùng III (kí hiệu: “>” có nghĩa là “nhận diện tốt hơn, chính xác hơn”).

Như vậy, về khả năng phân biệt từ ghép với từ láy, học sinh ở thành thị phân biệt tốt hơn học sinh nông thôn. Học sinh ở vùng núi phân biệt kém hơn cả. Thậm chí ở vùng III còn nhận thấy

có sự thật lùi: học sinh THCS phân biệt kém hơn học sinh TH (do đó trị số chênh lệch là số âm).

Rõ ràng điều kiện vùng dân cư có ảnh hưởng đến chất lượng và trình độ của học sinh trong phạm vi được trắc nghiệm này.

Tỉ lệ học sinh TH nhận diện đúng ở cả ba vùng:

$$\frac{2712 + 2688 + 2810}{12000} \times 100 = 68,4\%$$

Tỉ lệ học sinh THCS nhận diện đúng ở cả ba vùng là:

$$\frac{2936 + 2822 + 2670}{12000} \times 100 = 70,2\%$$

Như vậy, tỉ lệ học sinh THCS và TH nhận diện đúng chênh nhau không đáng kể: THCS > TH chỉ là 1,8%

Nếu nhận xét số lượng học sinh nhận diện đúng ở từng bậc học của mỗi vùng thì tỉ lệ như sau:

Tỉ lệ học sinh TH nhận diện đúng:

$$+ \text{Vùng I: } \frac{2712}{4000} \times 100 = 67,8\%$$

$$+ \text{Vùng II: } \frac{2688}{4000} \times 100 = 67,2\%$$

$$+ \text{Vùng III: } \frac{2811}{4000} \times 100 = 70,3\%$$

Như vậy tỉ lệ học sinh TH nhận diện đúng ở các vùng có sự chênh lệch nhau không đáng kể. Cao nhất là vùng III, còn vùng I và II xấp xỉ nhau.

Tỉ lệ học sinh THCS nhận diện đúng.

$$+ \text{Vùng I: } \frac{2936}{4000} \times 100 \approx 73,4\%$$

$$+ \text{Vùng II: } \frac{2822}{4000} \times 100 \approx 70,6\%$$

$$+ \text{Vùng III: } \frac{2670}{4000} \times 100 \approx 66,8\%$$

Như vậy, tỉ lệ học sinh THCS nhận diện đúng giữa các vùng có sự chênh lệch nhau nhiều hơn so với TH. Tỉ lệ cao nhất là học sinh THCS vùng I (73,4%), sau đó là vùng II (70,6%), vùng III (66,8%).

Xét về phương diện nhận diện từ ghép trong sự phân biệt với từ láy có thể nhận thấy học sinh THCS vùng I nhận diện đúng với tỉ lệ cao nhất, còn học sinh THCS vùng III nhận diện đúng với tỉ lệ thấp nhất.

Ở đây tỉ lệ chênh lệch giữa học sinh THCS và TH không đáng kể. Cả hai bậc đều nhận diện đúng vào khoảng trên 70%. Rõ ràng kết quả của việc dạy về từ ghép và từ láy chưa có sự tiến bộ đáng kể giữa các bậc học.

4.2. Một vài nhận xét cụ thể

4.2.1. Các từ thuần Việt là từ ghép không có quan hệ ngữ âm ngẫu nhiên hoặc là từ láy được học sinh THCS cũng như TH nhận diện với độ chính xác cao nhất (thường là > 85%, cá biệt có trường hợp đạt 100%). Thí dụ:

Từ ghép

	I	II	III
<i>sân bay</i>	98/98	98/100	100/93
<i>vuông tròn</i>	93/97	92/98	99/92
<i>bồ hòn</i>	93/95	91/93	99/91
<i>xì dầu</i>	97/97	96/97	98/92
<i>sen đầm</i>	97/98	94/98	100/94
<i>áo quần</i>	97/97	90/97	95/86
<i>ăn học</i>	94/97	94/95	99/85
<i>khỏe mạnh</i>	92/100	93/97	100/94

Từ láy

<i>lao xao</i>	98/97	94/99	98/88
<i>lác đác</i>	93/94	77/99	94/90
<i>đỏ đỏ</i>	94/99	92/96	98/90
<i>bấp bênh</i>	87/85	67/72	87/83
<i>rù rì</i>	97/94	93/98	99/87
<i>bình bịch</i>	96/90	86/96	98/90
<i>lúc lắc</i>	76/77	71/76	83/74
<i>ngoằn ngoèo</i>	89/89	90/89	96/86
<i>ngứa ngứa</i>	66/59	64/63	80/77

4.2.2. Nếu từ ghép thuần Việt có 2 yếu tố cấu tạo rõ nghĩa nhưng có quan hệ ngữ âm ngẫu nhiên về phụ âm đầu thì tỉ lệ học sinh nhận diện đúng có giảm sút do bị nhầm lẫn với từ láy âm. Chẳng hạn:

<i>cây cối</i>	79/88	63/79	83/62
<i>tóc tai</i>	81/82	74/71	73/59
<i>tướng tá</i>	75/88	72/79	71/61
<i>bao bọc</i>	49/68	45/39	41/25
<i>cặp kê</i>	95/88	68/91	96/92
<i>nghiêng ngả</i>	35/61	58/54	57/43
<i>dữ dội</i>	16/35	20/27	9/28
<i>mù mịt</i>	9/30	17/26	10/18
<i>trong trắng</i>	20/67	43/43	42/30
<i>phát phơ</i>	9/17	19/14	5/13
<i>sân sướng</i>	31/31	40/24	48/36

4.2.3. Nếu từ điều tra là từ ghép Hán Việt có 2 yếu tố cấu tạo rõ nghĩa, giữa chúng không có quan hệ ngữ âm thì tỉ lệ học sinh nhận diện đúng khá cao (tỉ lệ 85% n – 90%).

Thí dụ:

<i>hung dữ</i>	89/91	90/94	92/80
<i>thanh tao</i>	92/90	93/92	94/87

4.2.4. Nếu từ điều tra là từ ghép Hán Việt có các yếu tố cấu tạo không rõ nghĩa, nhưng giữa chúng có quan hệ ngữ âm ngẫu nhiên thì hầu như các em đều bị lầm là từ láy. Do đó tỉ lệ học sinh nhận diện đúng rất thấp, tỉ lệ cao nhất chỉ trên dưới 50%, thậm chí có nhiều trường hợp chỉ 10 – 20%.

Thí dụ:

<i>hỏi hỏi</i>	12/19	21/20	6/18
<i>khốn khổ</i>	20/53	27/35	11/25
<i>độc đắc</i>	42/51	44/59	34/44

Như vậy để giúp học sinh nhận diện đúng từ ghép trong sự phân biệt với từ láy cần có thủ pháp thực hành để các em có thể vận dụng được

dễ dàng và đặc biệt cần tập trung vào loại từ ghép thuần Việt có quan hệ ngữ âm ngẫu nhiên.

5. Kiến nghị một số thủ pháp phân biệt từ láy với từ ghép

Chúng ta có thể sử dụng các thủ pháp sau đây để dạy cho học sinh [x. 4, tr.107 - 114]:

Thủ pháp 1: Đảo trật tự các thành tố trong từ

Nếu một từ phức cho phép có thể đảo được trật tự các thành tố cấu tạo trong từ thì đó là từ ghép. Ví dụ:

– *phát phơ* → *phơ phát* (+): từ ghép

– *trong trắng* → *trắng trong* (+) từ ghép

Nếu không đảo được thì dùng thủ pháp khác, chẳng hạn dựa vào nhận diện ý nghĩa.

Thủ pháp 2: Nếu cả hai thành tố trong từ phức đều có nghĩa thì đó là từ ghép.

Ví dụ: *tuồng tá, tóc tai, bao bọc, cặp kè...*

Nếu cả hai yếu tố đều không rõ nghĩa thì dựa vào thủ pháp khác, chẳng hạn, đặc điểm ngữ âm, cụ thể là dấu thanh (thanh điệu).

Thủ pháp 3: Nếu trong từ phức, thanh điệu của các thành tố cấu tạo thuộc âm vực cao thấp khác nhau thì đó là từ ghép.

Các thanh điệu thuộc âm vực cao: không dấu, hỏi, sắc

Các thanh điệu thuộc âm vực thấp: huyền, ngã, nặng

Thí dụ: *khít khít, cuống cuống, quáng quàng, tí tí, cộc lốc* v.v.. đều là những từ ghép.

Hoặc dựa vào đặc điểm cấu tạo của một loạt từ phức theo thủ pháp dưới đây.

Thủ pháp 3: Nếu một loạt từ phức có cùng một thành tố x kết hợp ở sau các yếu tố khác nhau cùng thuộc một phạm vi ngữ nghĩa thì loạt từ đó gồm những từ ghép.

Mô hình: Ax, Bx, Cx...; A, B, C cùng thuộc một phạm vi ngữ nghĩa, suy ra (→) Ax, Bx, Cx... là từ ghép.

Thí dụ: hai từ *rạng rỡ* và *rực rỡ* có cùng yếu tố giống nhau là *rỡ* kết hợp ở sau các yếu tố khác nhau là *rạng, rực* cùng thuộc phạm vi ngữ nghĩa “có màu sắc hoặc ánh sáng cao độ”. Vậy *rạng rỡ, rực rỡ* là những từ ghép.

hoặc: – *lăn lóc, khóc lóc* → *lăn lóc, khóc lóc* là từ ghép

– *phét lác, khoác lác* → *phét lác, khoác lác* là từ ghép.

Hoặc có thể dựa vào thủ pháp khác sau đây.

Thủ pháp 5: Dựa vào nguồn gốc của từ

Nếu từ phức là từ Hán – Việt thì nói chung đó là từ ghép.

Thí dụ: *linh tinh, liên thiên, lưu luyến...*

Để phân biệt các từ láy với từ ghép “giả láy” cần phối hợp các thủ pháp nêu trên để việc nhận diện được chính xác hơn.

6. Như vậy, để dạy tiếng Việt cho học sinh, nhà soạn sách giáo khoa cần có sự kết hợp sử dụng các thành quả nghiên cứu của Ngôn ngữ học, không “đối xử bình đẳng” dạy tất cả các hiện tượng ngôn ngữ như nhau, mà cần có sự phân biệt mức độ khó dễ của từng hiện tượng để có sự phân loại, có “điểm nhấn” cho mỗi bài dạy. Đồng thời rất cần phải dựa vào đặc điểm riêng của tiếng Việt để đưa ra cho các em những thao tác thực hành nhận diện hiện tượng ngôn ngữ đang học. Song điều quan trọng hơn cả là phải dạy cho các em biết cách vận dụng các hiện tượng ngôn ngữ ấy vào thực tiễn hành ngôn – nói cũng như viết – của chính mình. Chẳng hạn, đối với phần dạy cấu tạo từ nói trên, ngoài các thao tác nhận diện từ ghép và từ láy như đã trình bày, còn rất cần giải thích rõ cho các em hiểu tác dụng của từng loại. Chẳng hạn, khi cần diễn đạt ý nghĩa tập hợp, tổng hợp hoặc khái quát về các sự vật, hiện tượng, tính chất, hành động... thì sử dụng các từ ghép đẳng lập (ví dụ: *ông bà, quần áo, nhà cửa, ăn uống, tốt đẹp,...*). Khi cần biểu thị các sự vật, hiện tượng, hành động, ... là loại nhỏ trong một loại lớn, hoặc ý nghĩa sắc thái hoá của một tính chất thì dùng từ ghép chính phụ (ví dụ: *dưa bí, dưa gang, dưa hấu,...*; *áo dài, áo phông, áo bà ba,...*; *cười duyên, cười khà, cười khẩy, cười mát; vui tính, vui mắt, vui chân,...*; *đỏ thắm, đỏ tươi, đỏ rực,...*). Đó là yêu cầu tối thiểu khi dạy bộ môn tiếng Việt.

Tài liệu tham khảo

1. Đỗ Hữu Châu 1981, *Từ vựng – ngữ nghĩa tiếng Việt*. Hà Nội: Giáo dục.
2. Nguyễn Đức Tồn 2003, *Mấy vấn đề lí luận và phương pháp dạy - học từ ngữ tiếng Việt trong nhà trường*. Hà Nội: Đại học Quốc gia.
3. Nguyễn Thị Thanh Hà 2001, *Nhìn nhận lại hiện tượng láy tiếng Việt*. *Ngôn ngữ*, số 8.
4. Nguyễn Thiện Giáp 1998. *Từ vựng học tiếng Việt*. Hà Nội: Giáo dục.
5. Nguyễn Văn Tu 1976, *Từ và vốn từ tiếng Việt hiện đại*. Hà Nội: Đại học & Trung học chuyên nghiệp.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 20-11-2008)